

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ STARGOLF
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ STARGOLF

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STARGOLF INVESTMENT TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301292448

3. Ngày thành lập: 01/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 3, Thôn Lương, Xã Tri Phương, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0971333485

Fax:

Email: stargolfbn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
3.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
4.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
5.	In ấn (Trừ in tráng phủ bằng kim loại trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan)	1811
6.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
7.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
8.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
9.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
10.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
11.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
12.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
13.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
14.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
15.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
16.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
17.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
18.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
19.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
20.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733

Thời gian đăng từ ngày 02/07/2024 đến ngày 01/08/2024

21.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
22.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
23.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
24.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
25.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
26.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
27.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
28.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
29.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
30.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
31.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
32.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
33.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
34.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
35.	Sản xuất máy luyện kim	2823
36.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
37.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
38.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
39.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
40.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
41.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
44.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
45.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
46.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
48.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược)	4649
49.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
50.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659(Chính)
52.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
53.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690

54.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đấu giá)	4719
55.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: -Hoạt động của đấu giá viên, -Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; -Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	4789
58.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
59.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
61.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
63.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
64.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
65.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
67.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005) - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 155 Luật thương mại 2005)	8299
70.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
71.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
72.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
73.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

